

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
-----

Bản án số: **46/2020/DS-PT**

Ngày: 25 - 8 - 2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Tấn Hoàng.

*Các Thẩm phán:* Ông Lương Quang;  
Ông Nguyễn Hữu Trúc.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Thiện Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên:** Ông Lê Minh Chánh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2020/TLPT-DS ngày 13/03/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 98/2019/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 106/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Hồ Thị Thanh S – SN: 1964. Nơi cư trú: 27 THĐ, phường 1, TP.T, tỉnh Phú Yên. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**Bị đơn:** Ông Ngô Thanh V – SN 1984. Nơi cư trú: thôn Phú Nh, xã Hòa Mỹ Đ, huyện TH, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Lê Văn Th – SN: 1982. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Thạch Chăm, xã Hòa Xuân Tây, huyện ĐH, tỉnh Phú Yên. Tạm trú: thôn Phú Kh, xã Hòa Xuân Đ, huyện ĐH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

**Người kháng cáo:** Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Theo đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S trình bày:** Bà Hồ Thị Thanh S yêu cầu bị đơn ông Ngô Thanh V trả tiền mua xe còn nợ 3.540.000đ, lãi 1,125%/tháng từ ngày 28/01/2011 đến ngày trả nợ cuối cùng. Quá trình giải quyết vụ án, bà S yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật.

**Theo tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn anh Ngô Thanh V trình bày:** Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, bị đơn ông Ngô Thanh V trình bày: Năm 2011, tôi có mua bà S chiếc xe cũ, biển số 78M1-5414, giá mua bao nhiêu không nhớ nhưng trả trước  $\frac{1}{2}$  số tiền. Bà S lấy giấy tờ bản gốc của tôi gồm sổ hộ khẩu, CMND rồi đưa con trai bà nói đem đi công chứng rồi về trả giấy tờ lại cho tôi, con bà đi trên đường bị Công an giao thông bắt xe, nói với tôi liên hệ với Công an lấy lại giấy tờ vì để trong cốp xe, tôi liên hệ nhưng bà S không đến Công an giải quyết lấy giấy tờ. Sau đó tôi nhiều lần đến gặp bà S để đòi lại giấy tờ nhưng bà S không đưa, tôi trả thêm cho bà S 1.000.000 đồng, bà S có giấy viết nhận tiền vào 01 tờ giấy vàng nhỏ đưa cho tôi, qua thời gian giấy tờ này đã mất nên không cung cấp cho Tòa. Chiếc xe tôi mua đã cũ, khi mua bà S đưa tôi 01 tờ giấy pho to đứng tên người khác, do xe không có giấy tờ đi lại không nhiều, không sử dụng thời gian dài, xe bị hư hỏng nặng nên tôi bán ve chai. Qua sự việc này, tôi không chấp nhận yêu cầu của bà S, vì việc bà S không trả lại giấy tờ làm chậm trễ việc lao động tại Lào của tôi, gây thiệt hại cho tôi nên tôi khấu trừ hết nợ mua xe còn lại. Đối với yêu cầu của Tòa án về việc cung cấp chứng cứ chứng minh việc bà S đã thu các giấy tờ của tôi, các chứng cứ về việc trả tiền xe, giấy đăng ký xe đối với chiếc xe đã mua thì tôi không có để cung cấp.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Th trình bày:** tôi là nhân viên của Doanh nghiệp tư nhân Thanh Sương từ năm 2007 đến 2012, có đứng tên trên các giấy đăng ký xe cho khách hàng mua xe trả góp. Tôi chỉ là người được bà S và khách mua xe của bà S ủy quyền đứng tên trên các giấy đăng ký xe mô tô, không phải là chủ sở hữu các xe này, các xe này đều thuộc quyền sở hữu của bà S vì khách chưa trả hết nợ nên chưa được sang tên sở hữu. Bản thân tôi chỉ đứng tên sở hữu các xe máy biển số 78AF – 020.96 và 78AF – 020.39.

Tại bản án dân sự số 98/2019/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T quyết định:

Căn cứ các Điều 428, 431, 432, 438, 439, 461, 305 Bộ luật Dân sự 2005.

Tuyên xử: 1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S tại đơn khởi kiện ngày 11/7/2013. Buộc bị đơn ông Ngô Thanh V phải trả cho nguyên đơn Hồ Thị Thanh S khoản tiền nợ mua xe máy là 6.168.000đ (Sáu triệu một trăm sáu mươi tám ngàn đồng) (trong đó gốc 3.540.000đ, lãi 2.628.000đ). Bà Hồ Thị Thanh S, ông Lê Văn Th phải thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu xe mô tô biển số 78M1 – 5414 cho ông Ngô Thanh V khi ông V trả xong nợ và có yêu cầu chuyển quyền sở hữu, tiền thuế trước bạ lần 02 do ông V nộp.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 30/10/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 24/12/2019, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S kháng cáo bản án sơ thẩm.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn giữ nguyên ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về vụ án: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự và Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:**

*Về kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S yêu cầu tính lãi quá hạn là 1.125%/tháng chứ không đồng ý tính lãi suất 0.75%/tháng như bản án sơ thẩm đã tính:*

Về tiền gốc: Bà Hồ Thị Thanh S yêu cầu bị đơn ông Ngô Thanh V trả nợ tiền mua xe gốc 3.540.000đồng, lãi theo quy định pháp luật từ ngày 28/01/2011 đến ngày trả nợ cuối cùng, kèm theo đơn khởi kiện là bản gốc Hợp đồng trả góp mua xe máy ký ngày 28/01/2011, ghi bị đơn mua xe hiệu Dumseo, biển số 78.M1-5414 còn nợ 3.540.000đồng, góp 06 tháng, mỗi tháng 590.000đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Ngô Thanh V thừa nhận có mua xe biển số 78M1-5414 và trả  $\frac{1}{2}$  số tiền, còn nợ lại  $\frac{1}{2}$  và sau đó có trả thêm 1.000.000 đồng nhưng không chấp nhận trả nợ cho bà S vì bà S không trả lại cho ông bản gốc sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân gây khó khăn cho ông trong việc đi lao động tại Lào nên ông cản trở số nợ còn lại; Tại phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông đường bộ ngày 02/11/2018 do Công an huyện ĐH cung cấp thì xe mô tô biển số 78M1 – 5414 đứng tên ông Lê Văn Th, đăng ký xe ngày 14/6/2010. Quá trình giải quyết vụ án, ông Thái thừa nhận ông chỉ là người đứng tên chủ sở hữu giùm cho bà S đối với các xe bán trả góp cho khách hàng. Bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh là đã trả nợ thêm cho nguyên đơn được 1.000.000 đồng và các chứng cứ về việc nguyên đơn không trả lại giấy tờ, giao dịch giữa các bên được thực hiện từ năm 2011 nên áp

dụng các Điều 428, 431, 432, 438, 439, 461, 305 Bộ luật dân sự 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn Ngô Thanh V trả cho bà S nợ gốc 3.540.000đ như Tòa án cấp sơ đã thẩm xác định là có căn cứ.

Về tiền lãi: bà S yêu cầu tính theo pháp luật. Tại Điều 3 của Hợp đồng trả góp mua xe máy ký ngày 28/01/2011, các bên thỏa thuận lãi chậm trả bằng 2,5%/tháng/tổng nợ, áp dụng các quy định tại các Điều 438, khoản 2 Điều 305 BLDS 2005 thì thỏa thuận này là vượt quá quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 là 9%/năm = 0,75%/tháng nên chỉ chấp nhận tính lãi chậm trả = 0,75%/tháng, tại Điều 1 của Hợp đồng các bên thỏa thuận thời gian góp 06 tháng tính từ ngày 28/01/2011 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định lãi chậm trả tính từ ngày 29/7/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 29/10/2019 là 3.540.000đ x 0,75%/tháng x 99 tháng = 2.628.000đ là chưa phù hợp với quy định pháp luật, nên cần xác định lại số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 29/7/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 29/10/2019 là: **3.540.000đ x 1.125%/tháng x 99 tháng = 3.942.675đồng.**

Tổng cộng gốc và lãi bị đơn Ngô Thanh V phải trả cho nguyên đơn Hồ Thị Thanh S là **7.482.675đồng** (trong đó nợ gốc là **3.540.000đồng** và nợ lãi là **3.942.675đồng**).

Do đó cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà S, sửa một phần bản án sơ thẩm.

*Về án phí:* Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S – sửa một phần bản án sơ thẩm về phần tiền lãi.

Áp dụng các Điều 428, 431, 432, 438, 439, 461, 305 Bộ luật Dân sự 2005. Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S tại đơn khởi kiện ngày 11/7/2013. Buộc bị đơn ông Ngô Thanh V phải trả cho nguyên đơn Hồ Thị Thanh S khoản tiền nợ mua xe máy là **7.482.675đồng** (trong đó nợ gốc là **3.540.000đồng** và nợ lãi là **3.942.675đồng**). Bà Hồ Thị Thanh S, ông Lê Văn Th phải thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu xe mô tô biển số 78M1 – 5414 cho ông Ngô Thanh V khi ông V trả xong nợ và có yêu cầu chuyển quyền sở hữu, tiền thuế trước bạ lần 02 do ông V nộp.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 30/10/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS 2015.

**Về án phí sơ thẩm:** Bị đơn Ngô Thanh V phải chịu 308.000đ (ba trăm lẻ tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 100.000đ (một trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 12742 ngày 12/8/2013 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

**Về án phí phúc thẩm:** Hoàn lại Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S số tiền 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai tạm ứng án phí phúc thẩm số 0001108 ngày 06/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự TP.T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TANDTC;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND Tp T (2)
- Chi cục THADS Tp T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Tấn Hoàng**